

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06-9-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Thu và ông Cà Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2021/TLST- HN&GD ngày 29 tháng 6 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cà Thị M**, năm sinh 1994 – có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã M, huyện TG, tỉnh DB.

Địa chỉ hiện nay: Bản ĐT, xã MT, huyện TG, tỉnh DB.

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn Th**, sinh năm 1992 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện TG, tỉnh DB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cà Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh Th chung sống như vợ chồng, tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2012. Đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TG, tỉnh DB ngày 28/4/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2014 ngày 28/4/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Quàng Văn Th không chăm lo cho gia đình, hay uống rượu, đánh đập chị M, đập phá tài sản gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, trong cuộc sống

vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống. Chị M và anh Th đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay, chị M xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh Th, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quảng Văn Th.

- Về con chung: Chị M và anh Th có 02 người con chung, là Quảng Văn H, sinh ngày 21/5/2012; Quảng Thị L, sinh ngày 03/01/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Cà Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Quảng Văn Th:* Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Th, nhưng anh Th không đến. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình và nơi cư trú của anh Th. Hiện tại anh Th đang cư trú và sinh sống tại bản H, xã M, huyện TG, tỉnh DB nhưng thường đi làm công nhân xây dựng ở các tỉnh miền xuôi đi về thất thường nên Tòa án không trực tiếp tổng đạt Thông báo thụ lý cho anh Th được. Do vậy Tòa án đã tiến hành xác minh, tổng đạt văn bản tố tụng cho người thân thích là ông Quảng Văn Hường (bố đẻ của anh Th) và niêm yết Thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho anh Th. Hết thời gian theo quy định, Tòa án đã tiến hành triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và thực hiện cấp, tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật để anh Th được biết, nhưng anh Th vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy: Chị M và anh Th tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị có 02 người con chung là Quảng Văn H, Quảng Thị L. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng chị Cà Thị M tại bản ĐT, xã MT, huyện TG, tỉnh DB. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Cà Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị Cà Thị M, anh Quảng Văn Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Cà Thị M yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh Quảng Văn Th.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia

đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu Quảng Văn H, sinh ngày 21/5/2012; cháu Quảng Thị L, sinh ngày 03/01/2016 cho chị Cà Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Quảng Văn Th chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Cà Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Cà Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Quảng Văn Th có địa chỉ tại bản H, xã M, huyện TG, tỉnh DB. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện TG, tỉnh DB.

Tại phiên tòa ngày 19/8/2021 anh Th vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Quảng Văn Th vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị M và anh Quảng Văn Th kết hôn trên sự tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, Hện TG, tỉnh DB. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 42/2014 ngày 28/4/2014 của UBND xã M (BL 02) xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Th là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị M, anh Th thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, phai nhạt. Chị M không muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với anh Th và yêu cầu xin ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị M, anh Th được thể hiện qua biên bản xác minh của Tòa án (BL 49). Hội đồng xét xử nhận định chị M không còn tình cảm với anh Th, xuất phát từ việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ những phân tích trên thể hiện tình trạng hôn nhân của chị M, anh Th đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cà Thị M.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị M, anh Th có 02 người con chung là Quảng Văn H, sinh ngày 21/5/2012; Quảng Thị L, sinh ngày 03/01/2016. Hội đồng xét xử thấy chị M có nơi ở ổn định và hiện nay các con đang do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân. Còn anh Th thường đi làm công nhân ở các tỉnh miền xuôi, không thường xuyên ở nhà. Căn cứ vào điều

kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên, để tránh làm xáo trộn cuộc sống ảnh hưởng đến tâm lý của con. Giao cho chị Cà Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Quàng Văn H, sinh ngày 21/5/2012; Quàng Thị L, sinh ngày 03/01/2016 là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị M không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cà Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Cà Thị M là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 9, Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị M được ly hôn anh Quàng Văn Th.

2. Về con chung: Giao Quàng Văn H, sinh ngày 21/5/2012; Quàng Thị L, sinh ngày 03/01/2016 cho chị Cà Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Quàng Văn Th chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Cà Thị M có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Quàng Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Cà Thị M và anh Quàng Văn Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị M.

4. Quyền kháng cáo: Chị Cà Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/9/2021). Anh Quàng Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DB;
- VKSND Hện TG;
- Chi cục THADS Hện TG;
- UBND xã M, Hện TG;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng